Mẫu 7

Phiếu đăng ký Thông báo mời chào hàng cạnh tranh

Kính gửi: Báo Đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

A. Thông tin chung:

1. Tên cơ quan/đơn vị : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**
   - Địa chỉ: Quốc lộ IA, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu
   - Điện thoại/Fax/E-mail: 02913 880 363 – Email: ttythb@gmail.com
2. Tên dự án: *Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc generic (phần còn lại), cung cấp sinh phẩm và vật tư y tế phòng chống dịch Covid-19 năm 2021 – 2022 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình*
3. Loại dự án (điền dấu X vào ô phù hợp):

- Dự án quan trọng quốc gia:	- Dự án thuộc nhóm A:
- Dự án thuộc nhóm B:	- Dự án thuộc nhóm C: X
- Dự án liên doanh:	- Hợp đồng hợp tác kinh doanh:
	- Dự án, dự toán khác:

4. Tên chủ đầu tư: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**
5. Tên gói thầu đăng ký thông báo mời chào hàng:

   Gói số 1: Thuốc Geberic (phần còn lại)
6. Giá gói thầu: 1.63.251.000đ *(Một tỷ, sáu trăm ba mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi mốt ngàn đồng)*

B. Nội dung thông báo mời thầu *(nội dung sẽ đăng tải)*:

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG

- Tên Bên mời thầu: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**
- Tên gói thầu: Gói số 1: Thuốc Geberic (phần còn lại)
- Tên dự án: *Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc generic (phần còn lại), cung cấp sinh phẩm và vật tư y tế phòng chống dịch Covid-19 năm 2021 – 2022 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình*
- Nguồn vốn: *Nguồn Quỹ BHYT, thu dịch vụ y tế và các nguồn thu hợp pháp khác*
- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh *trong nước*
- Thời gian phát hành HSYC chào hàng: vào lúc 8h00 ngày 20 tháng 12 năm 2021 đến ngày 08 h 30 ngày 27 tháng 12 năm 2021 (trong giờ hành chính)[1].
- Địa chỉ phát hành: *Phòng TC-HC. Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu*

Địa chỉ: Quốc lộ IA, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại/Fax/E-mail: 02913 880 363 – Email: ttythb@gmail.com

Hạn cuối tiếp nhận hồ sơ đề xuất (báo giá): chậm nhất là trước 8 giờ 30, ngày 27 tháng 12 năm 2021.

Hòa Bình, ngày 15 tháng 12 năm 2021

Đại diện hợp pháp cơ quan/đơn vị đăng ký



Phạm Mừng Em

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt..... 4
A. Chỉ dẫn đối với nhà thầu..... 5
B. Yêu cầu về kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá..... 9
C. Biểu mẫu..... 10
Mẫu số 1. Đơn chào hàng..... 10
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền..... 11
Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh..... 12
Mẫu số 4. Biểu giá chào..... 14
D. Dự thảo hợp đồng..... 15

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
Luật sửa đổi	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009
Nghị định 85/CP	Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng
VND	Đồng Việt Nam

A. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Mục 1. Nội dung gói thầu

Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu: **Gói số 1. Mua thuốc generic (phần còn lại)** thuộc dự án Mua thuốc generic (phần còn lại), mua sinh phẩm y tế và vật tư phòng chống dịch covid-19.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

Phạm vi cung cấp bao gồm 50 mặt hàng thuốc generic (*có danh mục và tiêu chuẩn kỹ thuật đính kèm).*

Mục 3. Thời hạn cung cấp hàng hóa

Thời hạn cung cấp hàng hóa trong vòng 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Mục 4. Nội dung của HSĐX

1. HSĐX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc chào hàng cạnh tranh phải được viết bằng tiếng Việt.

2. HSĐX do nhà thầu chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh);

- Đơn chào hàng theo Mẫu số 1 Phần C;

- Biểu giá chào theo Mẫu số 4 Phần C;

- Văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Phần C trong trường hợp liên danh;

- Các tài liệu khác (nếu có): ***Hồ sơ kỹ thuật của thuốc***

Mục 5. Đơn chào hàng

Đơn chào hàng được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Phần C).

Mục 6. Giá chào hàng[1]

1. Giá chào hàng là giá do nhà thầu nêu trong đơn chào hàng sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào hàng phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc

nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSĐX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX hoặc phải có bảng kê thành phần HSĐX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại hàng hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại hàng hóa nêu trong biểu giá chào.

3. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 4 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSĐX là 08giờ30p, ngày 27 tháng 12 năm 2021. Đến 08giờ30p ngày 27/01/2022

Mục 8. Chuẩn bị và nộp HSĐX

1. HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào hàng) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

2. Nhà thầu nộp HSĐX đến bên mời thầu bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX là 08giờ30p, ngày 27 tháng 12 năm 2021. HSĐX của nhà thầu gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSĐX là không hợp lệ và bị loại.

Mục 9. Làm rõ HSĐX

1. Trong quá trình đánh giá HSĐX, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSĐX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSĐX thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ HSĐX được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSĐX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSĐX thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 10. Đánh giá các HSĐX

Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐX, bao gồm:

a) Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của bên mời thầu);

b) Thời gian và chữ ký hợp lệ trong các tài liệu như đơn chào hàng, biểu giá chào, thỏa thuận liên danh (nếu có);

c) Hiệu lực của HSĐX theo quy định tại Mục 7 Phần này.

HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

2. Đánh giá về kỹ thuật: Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSĐX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí "đạt", "không đạt". HSĐX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là "đạt".

3. So sánh giá chào:

a) Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Điều 30 Nghị định 85/CP.

b) Bên mời thầu so sánh giá chào của các HSĐX đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSĐX có giá chào thấp nhất được xếp thứ nhất.

Mục 11. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSĐX hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong HSYC;

- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

- Có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu.

Mục 12. Thông báo kết quả chào hàng

Bên mời thầu thông báo kết quả chào hàng bằng văn bản cho tất cả các nhà thầu tham gia nộp HSĐX sau khi có quyết định phê duyệt kết quả chào hàng. Đối với nhà thầu trúng thầu phải ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Mục 13. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Bên mời thầu tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để chủ đầu tư ký kết hợp đồng.

Mục 14. Kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả chào hàng và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Luật Đấu thầu, Chương X Nghị định 85/CP.

2. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị về kết quả chào hàng gửi người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị, nhà thầu sẽ phải nộp một khoản chi phí là 2.000.000 đồng cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do nhà thầu nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới.

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH

QUỐC LỘ IA, THỊ TRẤN HÒA BÌNH

HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

ĐT: 02913 880 363 - fax: 02913.880.619

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: *Như trên*

c) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

SỐ 05, ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG 1, TP BẠC LIÊU

d) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Không.

Mục 15. Xử lý vi phạm

Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, Nghị định 85/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật của thuốc được đánh giá theo heo Bảng dưới đây:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
1. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc (1):	**24**	
1.1. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP		
a) Tại nước có cơ quan quản lý tham chiếu.		24
b) Tại nước có cơ quan quản lý dược chặt chẽ (SRA) nhưng không thuộc nước có cơ quan quản lý tham chiếu.		22
c) Tại nước còn lại không thuộc điểm a và điểm b mục này.		20
1.2. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/S-GMP tại nước là thành viên PIC/S đồng thời là thành viên ICH.		20
1.3. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP:		
a) Được cơ quan quản lý dược Việt Nam đánh giá đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và thuốc được gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam từ nước thuộc danh sách SRA.		24
b) Tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam đánh giá đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn WHO-GMP.		23
1.4. Các trường hợp còn lại không thuộc mục 1.1, 1.2 và 1.3 nêu trên		19
13. Mặt hàng thuốc được cung ứng bởi nhà thầu có uy tín trong thực hiện hợp đồng (11):	**10**	
13.1. Nhà thầu có vi phạm trong thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế đã được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược		8
13.2. Nhà thầu đã trúng thầu tại đơn vị:		
a) Cung ứng thuốc bảo đảm tiến độ theo hợp đồng		10
b) Cung ứng thuốc không bảo đảm tiến độ theo hợp đồng		8
13.3. Nhà thầu chưa trúng thầu tại đơn vị		8

Ghi chú: *(1): Trường hợp thuốc sản xuất tại Việt Nam đáp ứng nhiều mục thì chỉ chấm điểm theo mục có mức điểm cao nhất mà thuốc đạt được. Trường hợp thuốc dự thầu có nhiều cơ sở cùng tham gia quá trình sản xuất thuốc thì căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất có tiêu chuẩn thấp nhất để đánh giá điểm. Đối với thuốc nước ngoài gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam thì căn cứ nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất thuốc đặt gia công, chuyển giao công nghệ (bên đặt gia công, chuyển giao công nghệ).*

(11) Việc đánh giá nội dung này phải căn cứ vào một trong các thông tin sau:

- Thông tin về việc vi phạm trong cung ứng thuốc của các nhà thầu tại các cơ sở y tế trên toàn quốc được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: http://www.dav.gov.vn).

- Việc thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc giữa nhà thầu và đơn vị.

2. Tiêu chuẩn đánh giá

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí "đạt","không đạt". HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là "đạt".

Ví dụ tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo tiêu chí "đạt","không đạt"được nêu ở Phụ lục 1 Mẫu HSYC này.

C. BIỂU MẪU

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO HÀNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên bên mời thầu]*
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh số ____ *[Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu],* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ]* cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất].*

Đại diện hợp pháp của nhà thầu(1)
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 15 Phần A của HSYC này.

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là____ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của ____ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án____ *[Ghi tên dự án]* do____ *[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.][2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh.

Mẫu số 3

THỎA THUẬN LIÊN DANH[2]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*
Thuộc dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ[2] _____ *[Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội];*
- Căn cứ[2] _____ *[Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/ 6/2009 của Quốc hội];*
- Căn cứ[2] _____ *[Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];*
- Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* ngày ___ tháng ____ năm ____ *[ngày được ghi trên HSYC];*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ: _____
Địa chỉ: _____
Điện thoại: _____
Fax: _____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế: _____
Giấy ủy quyền số _____ ngày_____tháng____năm_____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án].*

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].*

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia thực hiện gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các

---

[2] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác ____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau [(3)]:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ *[ghi cụ thể phần công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].*

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy chào hàng cạnh tranh gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[(3)] Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 4

BIỂU GIÁ CHÀO

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (bao gồm cả chi phí vận chuyển)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) =(7) x (9)
1	.....								.....
2	.....								.....
3	.....								.....
...									.....
						Cộng			.....
						Thuế			.....
						Phí (nếu có)			.....
						Tổng cộng			.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

D. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG [4]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ [2] ___ *[Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];*

- Căn cứ [2]____ *[Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005];*

- Căn cứ [2]____ *[Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009];*

- Căn cứ [2]____ *[Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];*

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____

---

[4] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

(trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:*_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;

4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và các tài liệu bổ sung hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại

Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...].*

b) Thời hạn thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].*

c) Số lần thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].*

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 3 Phần A, HSĐX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng]*

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ *[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính].*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % giá hợp đồng *[Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].*

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản

phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: _____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo]*.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: ___ *[Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu]*.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ *[Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm...cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]*. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật]*.

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: _____ *[Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...]*.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

TRUNG TÂM Y TẾ HÒA BÌNH

DANH MỤC THUỐC GENERIC (phần còn lại) MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

I. Gói số 01: Thuốc generic (phần còn lại)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm KT	Nồng độ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (+VAT)	Thành tiền
1	Acetylsalicylic acid	2	81mg	Uống	Viên		200.000	340	68.000.000
2	Beclomethason dipropionat	4	50 mcg/ liều xịt, lọ 150 liều	Xịt mũi/hít	Thuốc hít định liều	Bình/lọ	300	56.000	16.800.000
3	Betamethason	4	0.5 mg/g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	1.000	12.980	12.980.000
4	Betamethason dipropionat + Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat)+ Clotrimazol	4	6.4mg + 10mg + 100mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	2.000	8.900	17.800.000
5	Budesonid + formoterol	5	200mcg + 6mcg x 120 liều	Dạng hít	Thuốc hít định liều	Bình/lọ	300	173.000	51.900.000
6	Calci gluconat	2	10% x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.000	13.300	66.500.000
7	Calci clorid	4	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.000	1.260	6.300.000
8	Clobetasol propionat	4	0,05% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	5.000	15.500	77.500.000
9	Clotrimazol	4	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	500	12.000	6.000.000
10	Colchicin	1	1mg	Uống	Viên	Viên	20.000	5.450	109.000.000
11	Colchicin	4	1mg	Uống	Viên	Viên	20.000	430	8.600.000
12	Digoxin	4	0,25mg	Uống	Viên	Viên	10.000	650	6.500.000
13	Dihydro ergotamin mesylat	4	3mg	Uống	Viên	Viên	25.000	1.932	48.300.000
14	Dimenhydrinat	4	50mg	Uống	Viên	Viên	10.000	288	2.880.000
15	Diosmectit	4	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	40.000	950	38.000.000

16	Diosmin + hesperidin	4	450mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	50.000	1.010	50.500.000
17	Đồng sulfat	4	0,25% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	2.000	5.400	10.800.000
18	Dopamin	1	200mg/ 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1.000	24.000	24.000.000
19	Felodipin	1	5mg	Uống	Viên	Viên	100.000	1.500	150.000.000
20	Ginkgo biloba	4	40mg	Uống	Viên	Viên	50.000	420	21.000.000
21	GliclaZide	3	60mg	Uống	Viên gp có ks	Viên	50.000	714	35.700.000
22	Hydroclorothiazid	4	25mg	Uống	Viên	Viên	2.000	157	314.000
23	Itraconazol	4	100 mg	Uống	Viên nang	Viên	3.000	5.650	16.950.000
24	Kali chlorid	1	600mg	Uống	Viên	Viên	30.000	2.100	63.000.000
25	Kali chlorid	1	500mg	Uống	Viên	Viên	30.000	1.500	45.000.000
26	Lactobacillus acidophilus	4	75mg/gói	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	30.000	1.450	43.500.000
27	Levofloxacin	4	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	500	11.749	5.874.500
28	Lidocain hydrochlorid	4	36mg + 18mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	10.000	4.410	44.100.000
29	Metformin	1	1000mg	Uống	Viên	Viên	100.000	1.038	103.800.000
30	Metronidazol	4	500mg/100ml	Tiêm	Chai/lọ thuốc tiêm	Chai	1.500	8.500	12.750.000
31	Metronidazol + neomycin + nystatin	1	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	7.000	11.800	82.600.000
32	Moxifloxacin + Dexamethason	4	5mg+1mg/ml-2ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	21.000	21.000.000
33	Naphazolin	4	0,05% x 10ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi	Lọ	1.000	2.615	2.615.000
34	Neomycin (sulfat)	4	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	2.944	2.944.000
35	Neomycin + Dexamethasone	4	5,5mg + 25mg /5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	3.402	3.402.000
36	Nifedipin	4	10mg	Uống	Viên	Viên	30.000	980	29.400.000
37	Nystatin	4	25.000ui	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Gói	500	1.313	656.500
38	Ofloxacin	1	200mg/100ml	Truyền	Thuốc tiêm truyền	Túi	200	44.000	8.800.000

39	Povidon iodin	4	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	500	7.490	3.745.000
40	Promestrien	4	10mg	Đặt âm đạo	Viên uống/ đặt âm đạo	Viên	1.000	6.000	6.000.000
41	Promethazin (hydroclorid)	4	2% - 10g/tube	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	tube	1.000	6.300	6.300.000
42	Promethazin (hydroclorid)	1	50mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	500	15.000	7.500.000
43	Paracetamol + chlorpheniramin	4	150mg + 1mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	30.000	880	26.400.000
44	Paracetamol + chlorpheniramin + phenylephrin	4	500mg + 10mg + 2mg	Uống	Viên	Viên	150.000	880	132.000.000
45	Piroxicam	4	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1.200	18.000	21.600.000
46	Trolamin	1	0,67%. Tube 93g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	100	90.000	9.000.000
47	Vitamin C	4	250mg	Uống	Viên	Viên	10.000	134	1.340.000
48	Vitamin B6 + magnesi	2	5mg+ 470mg	Uống	Viên	Viên	30.000	800	24.000.000
49	Kẽm gluconat	4	10mg	Uống	Viên	Viên	200.000	190	38.000.000
50	Vitamin C	4	500mg	Uống	Viên	Viên	200.000	198	39.600.000
	(Một tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, hai trăm năm mươi một ngàn đồng)								**1.631.251.000**

Hòa Bình, ngày 15 tháng 12 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Mẫu 7

Phiếu đăng ký Thông báo mời chào hàng cạnh tranh

Kính gửi: Báo Đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

A. Thông tin chung:

1. Tên cơ quan/đơn vị : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**
   - Địa chỉ: Quốc lộ IA, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu
   - Điện thoại/Fax/E-mail: 02913 880 363 – Email: ttythb@gmail.com
2. Tên dự án: *Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc generic (phần còn lại), cung cấp sinh phẩm và vật tư y tế phòng chống dịch Covid-19 năm 2021 – 2022 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình*
3. Loại dự án (điền dấu X vào ô phù hợp):

- Dự án quan trọng quốc gia:	- Dự án thuộc nhóm A:
- Dự án thuộc nhóm B:	- Dự án thuộc nhóm C: X
- Dự án liên doanh:	- Hợp đồng hợp tác kinh doanh:
	- Dự án, dự toán khác:

4. Tên chủ đầu tư: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**
5. Tên gói thầu đăng ký thông báo mời chào hàng:

   Gói số 1: Thuốc Geberic (phần còn lại)
6. Giá gói thầu: 1.63.251.000đ *(Một tỷ, sáu trăm ba mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi mốt ngàn đồng)*

B. Nội dung thông báo mời thầu *(nội dung sẽ đăng tải)*:

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG

- Tên Bên mời thầu: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**
- Tên gói thầu: Gói số 1: Thuốc Geberic (phần còn lại)
- Tên dự án: *Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc generic (phần còn lại), cung cấp sinh phẩm và vật tư y tế phòng chống dịch Covid-19 năm 2021 – 2022 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình*
- Nguồn vốn: *Nguồn Quỹ BHYT, thu dịch vụ y tế và các nguồn thu hợp pháp khác*
- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh *trong nước*
- Thời gian phát hành HSYC chào hàng: vào lúc 8h00 ngày 20 tháng 12 năm 2021 đến ngày 08 h 30 ngày 27 tháng 12 năm 2021 (trong giờ hành chính)[1].
- Địa chỉ phát hành: *Phòng TC-HC. Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu*

Địa chỉ: Quốc lộ IA, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại/Fax/E-mail: 02913 880 363 – Email: ttythb@gmail.com

Hạn cuối tiếp nhận hồ sơ đề xuất (báo giá): chậm nhất là trước 8 giờ 30, ngày 27 tháng 12 năm 2021.

Hòa Bình, ngày 15 tháng 12 năm 2021

Đại diện hợp pháp cơ quan/đơn vị đăng ký

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt..... 4
A. Chỉ dẫn đối với nhà thầu..... 5
B. Yêu cầu về kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá..... 9
C. Biểu mẫu..... 10
Mẫu số 1. Đơn chào hàng..... 10
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền..... 11
Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh..... 12
Mẫu số 4. Biểu giá chào..... 14
D. Dự thảo hợp đồng..... 15

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
Luật sửa đổi	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009
Nghị định 85/CP	Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng
VND	Đồng Việt Nam

A. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Mục 1. Nội dung gói thầu

Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu: **Gói số 1. Mua thuốc generic (phần còn lại)** thuộc dự án Mua thuốc generic (phần còn lại), mua sinh phẩm y tế và vật tư phòng chống dịch covid-19.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

Phạm vi cung cấp bao gồm 50 mặt hàng thuốc generic (*có danh mục và tiêu chuẩn kỹ thuật đính kèm).*

Mục 3. Thời hạn cung cấp hàng hóa

Thời hạn cung cấp hàng hóa trong vòng 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Mục 4. Nội dung của HSĐX

1. HSĐX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc chào hàng cạnh tranh phải được viết bằng tiếng Việt.

2. HSĐX do nhà thầu chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh);

- Đơn chào hàng theo Mẫu số 1 Phần C;

- Biểu giá chào theo Mẫu số 4 Phần C;

- Văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Phần C trong trường hợp liên danh;

- Các tài liệu khác (nếu có): ***Hồ sơ kỹ thuật của thuốc***

Mục 5. Đơn chào hàng

Đơn chào hàng được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Phần C).

Mục 6. Giá chào hàng[1]

1. Giá chào hàng là giá do nhà thầu nêu trong đơn chào hàng sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào hàng phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc

nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSĐX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX hoặc phải có bảng kê thành phần HSĐX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại hàng hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại hàng hóa nêu trong biểu giá chào.

3. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 4 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSĐX là 08giờ30p, ngày 27 tháng 12 năm 2021. Đến 08giờ30p ngày 27/01/2022

Mục 8. Chuẩn bị và nộp HSĐX

1. HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào hàng) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

2. Nhà thầu nộp HSĐX đến bên mời thầu bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX là 08giờ30p, ngày 27 tháng 12 năm 2021. HSĐX của nhà thầu gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSĐX là không hợp lệ và bị loại.

Mục 9. Làm rõ HSĐX

1. Trong quá trình đánh giá HSĐX, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSĐX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSĐX thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ HSĐX được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSĐX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSĐX thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 10. Đánh giá các HSĐX

Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐX, bao gồm:

a) Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của bên mời thầu);

b) Thời gian và chữ ký hợp lệ trong các tài liệu như đơn chào hàng, biểu giá chào, thỏa thuận liên danh (nếu có);

c) Hiệu lực của HSĐX theo quy định tại Mục 7 Phần này.

HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

2. Đánh giá về kỹ thuật: Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSĐX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí "đạt", "không đạt". HSĐX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là "đạt".

3. So sánh giá chào:

a) Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Điều 30 Nghị định 85/CP.

b) Bên mời thầu so sánh giá chào của các HSĐX đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSĐX có giá chào thấp nhất được xếp thứ nhất.

Mục 11. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSĐX hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong HSYC;

- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

- Có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu.

Mục 12. Thông báo kết quả chào hàng

Bên mời thầu thông báo kết quả chào hàng bằng văn bản cho tất cả các nhà thầu tham gia nộp HSĐX sau khi có quyết định phê duyệt kết quả chào hàng. Đối với nhà thầu trúng thầu phải ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Mục 13. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Bên mời thầu tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để chủ đầu tư ký kết hợp đồng.

Mục 14. Kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả chào hàng và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Luật Đấu thầu, Chương X Nghị định 85/CP.

2. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị về kết quả chào hàng gửi người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị, nhà thầu sẽ phải nộp một khoản chi phí là 2.000.000 đồng cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do nhà thầu nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới.

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH

QUỐC LỘ IA, THỊ TRẤN HÒA BÌNH

HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

ĐT: 02913 880 363 - fax: 02913.880.619

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: *Như trên*

c) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

SỐ 05, ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG 1, TP BẠC LIÊU

d) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Không.

Mục 15. Xử lý vi phạm

Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, Nghị định 85/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật của thuốc được đánh giá theo heo Bảng dưới đây:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
1. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc (1):	**24**	
1.1. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP		
a) Tại nước có cơ quan quản lý tham chiếu.		24
b) Tại nước có cơ quan quản lý dược chặt chẽ (SRA) nhưng không thuộc nước có cơ quan quản lý tham chiếu.		22
c) Tại nước còn lại không thuộc điểm a và điểm b mục này.		20
1.2. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/S-GMP tại nước là thành viên PIC/S đồng thời là thành viên ICH.		20
1.3. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP:		
a) Được cơ quan quản lý dược Việt Nam đánh giá đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và thuốc được gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam từ nước thuộc danh sách SRA.		24
b) Tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam đánh giá đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn WHO-GMP.		23
1.4. Các trường hợp còn lại không thuộc mục 1.1, 1.2 và 1.3 nêu trên		19
13. Mặt hàng thuốc được cung ứng bởi nhà thầu có uy tín trong thực hiện hợp đồng (11):	**10**	
13.1. Nhà thầu có vi phạm trong thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế đã được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược		8
13.2. Nhà thầu đã trúng thầu tại đơn vị:		
a) Cung ứng thuốc bảo đảm tiến độ theo hợp đồng		10
b) Cung ứng thuốc không bảo đảm tiến độ theo hợp đồng		8
13.3. Nhà thầu chưa trúng thầu tại đơn vị		8

Ghi chú: *(1): Trường hợp thuốc sản xuất tại Việt Nam đáp ứng nhiều mục thì chỉ chấm điểm theo mục có mức điểm cao nhất mà thuốc đạt được. Trường hợp thuốc dự thầu có nhiều cơ sở cùng tham gia quá trình sản xuất thuốc thì căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất có tiêu chuẩn thấp nhất để đánh giá điểm. Đối với thuốc nước ngoài gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam thì căn cứ nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất thuốc đặt gia công, chuyển giao công nghệ (bên đặt gia công, chuyển giao công nghệ).*

(11) Việc đánh giá nội dung này phải căn cứ vào một trong các thông tin sau:

- Thông tin về việc vi phạm trong cung ứng thuốc của các nhà thầu tại các cơ sở y tế trên toàn quốc được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: http://www.dav.gov.vn).

- Việc thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc giữa nhà thầu và đơn vị.

2. Tiêu chuẩn đánh giá

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí "đạt","không đạt". HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là "đạt".

Ví dụ tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo tiêu chí "đạt","không đạt"được nêu ở Phụ lục 1 Mẫu HSYC này.

C. BIỂU MẪU

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO HÀNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên bên mời thầu]*
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh số ____ *[Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ]* cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ___ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu(1)
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 15 Phần A của HSYC này.

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là____ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án____ *[Ghi tên dự án]* do____ *[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.][2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh.

Mẫu số 3

THỎA THUẬN LIÊN DANH[2]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*
Thuộc dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ[2] _____ *[Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội];*
- Căn cứ[2] _____ *[Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/ 6/2009 của Quốc hội];*
- Căn cứ[2] _____ *[Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];*
- Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* ngày ___ tháng ____ năm ____ *[ngày được ghi trên HSYC];*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ: _____
Địa chỉ: _____
Điện thoại: _____
Fax: _____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế: _____
Giấy ủy quyền số _____ ngày_____tháng____năm_____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án].*

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].*

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia thực hiện gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các

---

[2] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác ____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau [(3)]:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ *[ghi cụ thể phần công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].*

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy chào hàng cạnh tranh gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[(3)] Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 4

BIỂU GIÁ CHÀO

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (bao gồm cả chi phí vận chuyển)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) =(7) x (9)
1	.....								.....
2	.....								.....
3	.....								.....
...									.....
Cộng									.....
Thuế									.....
Phí (nếu có)									.....
Tổng cộng									.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

D. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG [4]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ [2] ___ *[Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];*

- Căn cứ [2] ____ *[Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005];*

- Căn cứ [2] ____ *[Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009];*

- Căn cứ [2] ____ *[Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];*

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____

---

[4] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

(trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;

4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và các tài liệu bổ sung hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại

Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...].*

b) Thời hạn thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].*

c) Số lần thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].*

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 3 Phần A, HSĐX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng]*

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ *[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính].*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % giá hợp đồng *[Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].*

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản

phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: _____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo]*.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: ___ *[Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu]*.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ *[Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm...cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]*. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật]*.

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: _____ *[Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...]*.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

TRUNG TÂM Y TẾ HÒA BÌNH

DANH MỤC THUỐC GENERIC (phần còn lại) MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

I. Gói số 01: Thuốc generic (phần còn lại)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm KT	Nồng độ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (+VAT)	Thành tiền
1	Acetylsalicylic acid	2	81mg	Uống	Viên		200.000	340	68.000.000
2	Beclomethason dipropionat	4	50 mcg/ liều xịt, lọ 150 liều	Xịt mũi/hít	Thuốc hít định liều	Bình/lọ	300	56.000	16.800.000
3	Betamethason	4	0.5 mg/g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	1.000	12.980	12.980.000
4	Betamethason dipropionat + Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat)+ Clotrimazol	4	6.4mg + 10mg + 100mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	2.000	8.900	17.800.000
5	Budesonid + formoterol	5	200mcg + 6mcg x 120 liều	Dạng hít	Thuốc hít định liều	Bình/lọ	300	173.000	51.900.000
6	Calci gluconat	2	10% x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.000	13.300	66.500.000
7	Calci clorid	4	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.000	1.260	6.300.000
8	Clobetasol propionat	4	0,05% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	5.000	15.500	77.500.000
9	Clotrimazol	4	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	500	12.000	6.000.000
10	Colchicin	1	1mg	Uống	Viên	Viên	20.000	5.450	109.000.000
11	Colchicin	4	1mg	Uống	Viên	Viên	20.000	430	8.600.000
12	Digoxin	4	0,25mg	Uống	Viên	Viên	10.000	650	6.500.000
13	Dihydro ergotamin mesylat	4	3mg	Uống	Viên	Viên	25.000	1.932	48.300.000
14	Dimenhydrinat	4	50mg	Uống	Viên	Viên	10.000	288	2.880.000
15	Diosmectit	4	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	40.000	950	38.000.000

16	Diosmin + hesperidin	4	450mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	50.000	1.010	50.500.000
17	Đồng sulfat	4	0,25% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	2.000	5.400	10.800.000
18	Dopamin	1	200mg/ 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1.000	24.000	24.000.000
19	Felodipin	1	5mg	Uống	Viên	Viên	100.000	1.500	150.000.000
20	Ginkgo biloba	4	40mg	Uống	Viên	Viên	50.000	420	21.000.000
21	GliclaZide	3	60mg	Uống	Viên gp có ks	Viên	50.000	714	35.700.000
22	Hydroclorothiazid	4	25mg	Uống	Viên	Viên	2.000	157	314.000
23	Itraconazol	4	100 mg	Uống	Viên nang	Viên	3.000	5.650	16.950.000
24	Kali chlorid	1	600mg	Uống	Viên	Viên	30.000	2.100	63.000.000
25	Kali chlorid	1	500mg	Uống	Viên	Viên	30.000	1.500	45.000.000
26	Lactobacillus acidophilus	4	75mg/gói	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	30.000	1.450	43.500.000
27	Levofloxacin	4	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	500	11.749	5.874.500
28	Lidocain hydrochlorid	4	36mg + 18mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	10.000	4.410	44.100.000
29	Metformin	1	1000mg	Uống	Viên	Viên	100.000	1.038	103.800.000
30	Metronidazol	4	500mg/100ml	Tiêm	Chai/lọ thuốc tiêm	Chai	1.500	8.500	12.750.000
31	Metronidazol + neomycin + nystatin	1	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	7.000	11.800	82.600.000
32	Moxifloxacin + Dexamethason	4	5mg+1mg/ml-2ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	21.000	21.000.000
33	Naphazolin	4	0,05% x 10ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi	Lọ	1.000	2.615	2.615.000
34	Neomycin (sulfat)	4	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	2.944	2.944.000
35	Neomycin + Dexamethasone	4	5,5mg + 25mg /5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	3.402	3.402.000
36	Nifedipin	4	10mg	Uống	Viên	Viên	30.000	980	29.400.000
37	Nystatin	4	25.000ui	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Gói	500	1.313	656.500
38	Ofloxacin	1	200mg/100ml	Truyền	Thuốc tiêm truyền	Túi	200	44.000	8.800.000

39	Povidon iodin	4	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	500	7.490	3.745.000
40	Promestrien	4	10mg	Đặt âm đạo	Viên uống/ đặt âm đạo	Viên	1.000	6.000	6.000.000
41	Promethazin (hydroclorid)	4	2% - 10g/tube	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	tube	1.000	6.300	6.300.000
42	Promethazin (hydroclorid)	1	50mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	500	15.000	7.500.000
43	Paracetamol + chlorpheniramin	4	150mg + 1mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	30.000	880	26.400.000
44	Paracetamol + chlorpheniramin + phenylephrin	4	500mg + 10mg + 2mg	Uống	Viên	Viên	150.000	880	132.000.000
45	Piroxicam	4	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1.200	18.000	21.600.000
46	Trolamin	1	0,67%. Tube 93g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	100	90.000	9.000.000
47	Vitamin C	4	250mg	Uống	Viên	Viên	10.000	134	1.340.000
48	Vitamin B6 + magnesi	2	5mg+ 470mg	Uống	Viên	Viên	30.000	800	24.000.000
49	Kẽm gluconat	4	10mg	Uống	Viên	Viên	200.000	190	38.000.000
50	Vitamin C	4	500mg	Uống	Viên	Viên	200.000	198	39.600.000
	(Một tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, hai trăm năm mươi một ngàn đồng)								**1.631.251.000**

Hòa Bình, ngày 15 tháng 12 năm 2021

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÒA BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH

Phạm Mừng Em